



CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018**

Tháng 1 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	08 - 09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch
Ông Trần Ngọc Dũng	Thành viên
Ông Đào Minh Tùng	Thành viên
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Hà	Thành viên (bổ nhiệm ngày 04/6/2018)
Ông Trần Bảo Trung	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Hoàn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông Đào Minh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Tôn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch Hội đồng Quản trị

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban điều hành cam kết rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban điều hành, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban điều hành



Phạm Hoành Sơn
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Số: 007 /VACO/BCKT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban điều hành
Các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên, không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Đức Tiến
Giám đốc Chi nhánh
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2018-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Nguyễn Ngọc Thạch
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		335.758.598.525	191.195.576.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	330.777.981.604	185.940.897.578
1. Tiền	111		209.307.981.604	3.350.312.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		121.470.000.000	182.590.584.697
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.550.175.893	4.043.514.466
1. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5	88.800.000	3.197.216.400
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	1.461.375.893	846.298.066
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.430.441.028	1.211.164.636
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.397.613.569	1.178.337.177
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7	32.827.459	32.827.459
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		762.361.959.087	917.905.812.200
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		354.609.000.000	572.300.000.000
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5	354.609.000.000	572.300.000.000
II. Tài sản cố định	220		3.483.494.749	106.893.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	3.483.494.749	106.893.316
- Nguyên giá	222		13.652.210.959	9.654.363.687
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.168.716.210)	(9.547.470.371)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		41.733.000	41.733.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(41.733.000)	(41.733.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		254.269.464.338	237.498.918.884
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	254.269.464.338	237.498.918.884
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	150.000.000.000	108.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		150.000.000.000	108.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.000.000.000	8.000.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.000.000.000)	(8.000.000.000)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.098.120.557.612	1.109.101.388.880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		19.531.640.126	17.465.352.339
I. Nợ ngắn hạn	310		19.531.640.126	17.465.352.339
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	1.840.537.901	215.577.865
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	7	35.125.599	54.397.427
3. Phải trả người lao động	314		504.200.555	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	12	14.836.887.673	14.822.788.649
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.314.888.398	2.372.588.398
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.078.588.917.486	1.091.636.036.541
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	1.078.588.917.486	1.091.636.036.541
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		9.285.641.372	9.285.641.372
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.069.929.634	2.069.929.634
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(32.766.653.520)	(19.719.534.465)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối năm trước	421a		(19.719.534.465)	(30.562.893.226)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(13.047.119.055)	10.843.358.761
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.098.120.557.612	1.109.101.388.880

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	8.955.756.228	32.530.264.994
7. Chi phí tài chính	22		2.167.537.263	99.576
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.167.537.263	-
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	19.848.088.020	21.720.806.657
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (22 + 26)}	30		(13.059.869.055)	10.809.358.761
10. Thu nhập khác	31		12.750.000	34.000.000
11. Lợi nhuận khác (40 = 31)	40		12.750.000	34.000.000
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(13.047.119.055)	10.843.358.761
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		(13.047.119.055)	10.843.358.761

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lãi/ (Lỗ) trước thuế	01	(13.047.119.055)	10.843.358.761
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	621.245.839	170.232.190
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(883.956)	99.576
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(8.954.872.272)	(32.530.264.994)
- Chi phí lãi vay	06	2.167.537.263	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(19.214.092.181)	(21.516.574.467)
- (Tăng)/ Giảm các khoản phải thu	09	(519.702.065)	(664.953.204)
- Tăng/ (Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	566.779.606	(2.221.901.875)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.167.537.263)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (i)	16	200.000.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(57.700.000)	(46.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	178.607.748.097	(24.449.529.546)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn (ii)	21	(928.457.272)	(584.383.083.975)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(93.500.000.000)	(197.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	93.500.000.000	197.000.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(42.000.000.000)	(108.000.000.000)
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia (iii)	27	9.156.909.245	37.929.184.843
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(33.771.548.027)	(654.453.899.132)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	200.000.000.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	186.950.000.000	-
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(186.950.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	200.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	144.836.200.070	(478.903.428.678)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	185.940.897.578	664.844.425.832
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	883.956	(99.576)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	330.777.981.604	185.940.897.578

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (Tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Ghi chú:

- (i) Như đã trình bày ở Thuyết minh số 5- Trả trước cho người bán, Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh là khoản hoàn trả lại một phần giá trị tạm ứng của nhà thầu cho chủ đầu tư liên quan đến hợp đồng xây dựng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5 tháng 10 năm 2017.
- (ii) Tiền chi mua tài sản cố định và chi xây dựng phí dở dang trong năm không bao gồm 1.557.208.181 VND (Năm 2017 là 215.577.865 VND) là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.
- (iii) Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 523.086.093 VND là số tiền lãi dự thu phát sinh trong năm mà chưa thu được. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ Phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4703000541, ngày 14 tháng 5 năm 2008 (đăng ký thay đổi và điều chỉnh lần thứ 07 số 3601010336 ngày 16 tháng 3 năm 2018) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018 vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VND, tương đương 110.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 45 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 50 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, vận hành, khai thác cảng biển, logistics và các dịch vụ khác có liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy: Khai thác Cảng và khu hậu cần.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Đầu tư xây dựng phát triển Cảng và khu hậu cần; Đầu tư xây dựng và vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí)
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Vận hành căn cứ dịch vụ container, kho bãi hàng hóa và các công trình chuyên ngành (hệ thống kho chứa các sản phẩm dầu khí) và các dịch vụ hậu cần; Đại lý tàu biển; Cho thuê các phương tiện vận tải, thiết bị bốc xếp nâng hạ.
- Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải đường ống
- Vận tải hành khách đường thủy nội địa
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Cho thuê xe có động cơ
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép
- Xây dựng nhà các loại: Đầu tư nhà ở công nhân viên, nhà làm việc và nhà văn phòng (trong khu vực cảng)
- Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa trang thiết bị cho công trình dầu khí.
- Vận tải hành khách đường bộ khác
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa phương tiện thủy.
- Hoàn thiện công trình xây dựng: Lắp đặt trang thiết bị cho công trình dầu khí và phương tiện thủy.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê trang thiết bị, máy móc, dụng cụ phục vụ cho các ngành công nghiệp.
- Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	Công ty mẹ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần BOT đường vào cảng Phước An	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn	Cùng Chủ tịch HĐQT, Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính, yêu cầu Ban điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban điều hành đã xem xét và áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

Đầu tư vào Công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác (Tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06-07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	222.661.804	205.704.689
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	209.085.319.800	3.144.608.192
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	121.470.000.000	182.590.584.697
	330.777.981.604	185.940.897.578

Ghi chú (i) Các khoản tiền từ thu hồi công nợ và hoạt động đầu tư tài chính Công ty nhận được vào thời điểm cuối ngày thứ 6, 28 tháng 12 năm 2018, do đó, tại thời điểm khóa sổ kế toán Công ty chưa sử dụng khoản tiền này để đầu tư tài chính.

5. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Trả trước người bán ngắn hạn	88.800.000	3.197.216.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đồng Nai	-	2.200.000.000
Trả trước người bán khác	88.800.000	997.216.400
b) Trả trước người bán dài hạn	354.609.000.000	572.300.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn (i)	354.609.000.000	572.300.000.000
	354.697.800.000	575.497.216.400

- (i) Đây là khoản tạm ứng theo Hợp đồng số 04/2017/HĐXD-PAP ngày 5 tháng 10 năm 2017 giữa Công ty và Liên Doanh Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn và Công ty Cổ phần Núi Hồng về việc thi công xây lắp Phân kỳ 1- Dự Án Cảng Phước An. Trong năm 2018, hai bên đã nghiệm thu hợp đồng thi công xây lắp với giá trị 17.691.000.000 đồng (đã bao gồm VAT) và nhà thầu hoàn trả lại cho chủ đầu tư 200 tỷ đồng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	58.000.000	-	55.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	70.075.000	-	66.175.000	-
Lãi dự thu	523.086.093	-	725.123.066	-
Phải thu khác liên quan tuyến đường BOT	810.214.800	-	-	-
	1.461.375.893	-	846.298.066	-

7. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ/ PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số thực nộp/thu trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu				
Thuế TNDN nộp thừa	32.827.459	-	-	32.827.459
	32.827.459	-	-	32.827.459
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	35.125.599	189.632.171	208.903.999	54.397.427
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
	35.125.599	192.632.171	211.903.999	54.397.427

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày đầu năm	-	9.326.649.688	327.713.999	9.654.363.687
- Mua trong năm	-	-	89.443.636	89.443.636
- Đầu tư XD hoàn thành (i)	3.908.403.636	-	-	3.908.403.636
Tại ngày cuối năm	3.908.403.636	9.326.649.688	417.157.635	13.652.210.959
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày đầu năm	-	9.232.526.579	314.943.792	9.547.470.371
- Khấu hao trong năm	542.833.840	45.944.532	32.467.467	621.245.839
Tại ngày cuối năm	542.833.840	9.278.471.111	347.411.259	10.168.716.210
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	94.123.109	12.770.207	106.893.316
Tại ngày cuối năm	3.365.569.796	48.178.577	69.746.376	3.483.494.749

Ghi chú (i) Giá trị đầu tư xây dựng hoàn thành trong năm là giá trị của công trình nhà văn phòng tạm tại Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường, xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai đã được nghiệm thu hoàn thành trong tháng 3 năm 2018.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 9.562.000.051 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2018 là 8.881.570.051 VND).

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng	151.500.864.166	151.500.864.166
Lập dự án đầu tư	11.214.249.090	11.150.794.545
Chi phí triển khai dự án	34.740.772.238	18.658.044.965
Khảo sát địa chất	15.009.077.229	15.009.077.229
Rà soát bom mìn	16.100.764.040	16.100.764.040
Thiết kế bản vẽ thi công	16.605.110.678	16.377.837.951
Đánh giá tác động môi trường	385.090.909	-
Chi phí khác	8.713.535.988	8.701.535.988
Cộng	254.269.464.338	237.498.918.884

Các chi phí này liên quan đến việc thực hiện dự án Cảng Phước An.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Khu dịch vụ Hậu cần Cảng Phước An, Ấp Bà Trường
Xã Phước An, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào công ty Con**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (i) VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND
a) Đầu tư vào công ty con				
Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An	150.000.000.000	-	108.000.000.000	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác				
Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao	8.000.000.000	(8.000.000.000)	8.000.000.000	(8.000.000.000)
	158.000.000.000	(8.000.000.000)	116.000.000.000	(8.000.000.000)

(i) Giá trị hợp lý

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của nó.

Thông tin bổ sung và tình hình hoạt động của các công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

- Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ("BOT")

Theo Quyết định số 240/QĐ-PAP ngày 1 tháng 8 năm 2017 của Đại hội Đồng Cổ đông thi Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn (Công ty mẹ của Công ty TNHH MTV Hoành Sơn - Một cổ đông chi phối của Công ty) cùng thực hiện góp vốn thành lập Công ty Cổ phần BOT đường vào Cảng Phước An ("BOT"); trong đó, Công ty góp 153.000.000.000 VND, chiếm 51% vốn điều lệ của BOT. Hội đồng Quản trị của BOT có 3 thành viên, trong đó 2 thành viên đại diện cho Công ty và Chủ tịch Hội đồng Quản trị của Công ty là Chủ tịch Hội đồng Quản trị của BOT. Do đó Công ty xác định tỷ lệ quyền kiểm soát của Công ty là chi phối trong BOT, nên Công ty trình bày là khoản đầu tư vào Công ty con.

BOT mới thành lập và hoạt động trong lĩnh vực xây dựng công trình đường bộ, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 không lỗ lũy kế nên Công ty không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thông tin bổ sung và tình hình hoạt động của các công ty con và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)

- Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao

Số vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao được góp theo mệnh giá với tỷ lệ vốn góp là 10% vốn điều lệ. Theo Giấy xác nhận về việc doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh ngày 13 tháng 4 năm 2018 của Phòng Đăng ký Kinh doanh tỉnh Đồng Nai, Công ty Cổ phần Đầu tư Bê Tông Công Nghệ Cao đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 26 tháng 4 năm 2018 đến ngày 25 tháng 4 năm 2019. Đồng thời, theo báo cáo tài chính năm 2016, thì Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao đã có số lỗ lũy kế vượt gấp 04 lần số vốn chủ sở hữu, do đó, Công ty vẫn duy trì mức trích lập dự phòng đầu tư tài chính là 100% đối với Công ty Cổ phần Đầu Tư Bê Tông Công Nghệ Cao theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013.

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số có khả năng		Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển và Xây dựng Đồng Nai	1.493.753.636	1.493.753.636	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	215.577.865	215.577.865	215.577.865	215.577.865
Đối tượng khác	131.206.400	131.206.400	-	-
	1.840.537.901	1.840.537.901	215.577.865	215.577.865

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương (i)	13.345.884.000	13.345.884.000
Trung tâm phát triển Quỹ đất huyện Nhơn Trạch (ii)	1.377.433.544	1.377.433.544
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	113.570.129	99.471.105
	14.836.887.673	14.822.788.649

(i) Đây là khoản tiền của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Lan Phương góp vốn để thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 032/HĐ-PAP ngày 17 tháng 08 năm 2011 tại Dự Án Cảng Phước An với tư cách nhà đầu tư thứ cấp.

(ii) Đây là khoản tiền bồi thường và tiền lãi không kỳ hạn phát sinh tương ứng của một số hộ dân nằm trong diện tích giải tỏa tại Khu dịch vụ hậu cần Cảng Phước An và tuyến đường kết nối vào cảng, xã Long Thọ và xã Phước An, huyện Nhơn Trạch nhưng các hộ dân này chưa nhận tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)*Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3601010336 thay đổi lần thứ 07 ngày 16 tháng 3 năm 2018, vốn điều lệ của Công ty là 1.100.000.000.000 VNĐ, tương đương 110.000.000 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần 10.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày cuối năm		Tại ngày đầu năm	
	Vốn góp VNĐ	Tỉ lệ %	Vốn góp VNĐ	Tỉ lệ VNĐ
Công ty TNHH MTV Hoàn Sơn	660.000.000.000	60,00%	660.000.000.000	60,00%
Tập đoàn Dầu Khí Việt Nam	350.000.000.000	31,82%	350.000.000.000	31,82%
Tổng Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp (Sonadezi)	75.000.000.000	6,82%	75.000.000.000	6,82%
Các cổ đông khác	15.000.000.000	1,36%	15.000.000.000	1,36%
	1.100.000.000.000	100%	1.100.000.000.000	100%

14. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ USD	1.795,13	1.808,33

15. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.651.345.234	1.501.115.911
Chi phí nhân công	10.129.782.890	10.513.110.455
Chi phí khấu hao tài sản cố định	621.245.839	170.232.190
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.180.574.822	9.380.169.864
Chi phí khác bằng tiền	265.139.235	156.178.237
	19.848.088.020	21.720.806.657

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.954.872.272	32.530.264.994
Lãi chênh lệch tỷ giá	883.956	-
	8.955.756.228	32.530.264.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	10.129.782.890	10.513.110.455
Chi phí vật liệu quản lý	1.651.345.234	1.501.115.911
Chi phí đồ dùng văn phòng	252.542.226	125.343.637
Chi phí khấu hao TSCĐ	621.245.839	170.232.190
Thuế, phí và lệ phí	12.597.009	30.834.600
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.180.574.822	9.380.169.864
	19.848.088.020	21.720.806.657

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi/ (Lỗ) trước thuế	(13.047.119.055)	10.843.358.761
Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế	117.000.000	(10.843.358.761)
<i>Cộng: chi phí không được trừ</i>	<i>117.000.000</i>	<i>1.548.500.000</i>
<i>Chuyển lỗ các năm trước</i>	<i>-</i>	<i>(12.391.858.761)</i>
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập khác	-	-
Thuế suất thuế TNDN		
Thuế suất phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

19. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ còn lại với số tiền 29.330.164.998 VND vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

Lợi nhuận từ các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Số lỗ (chưa quyết toán thuế) còn được chuyển tại ngày 31 tháng 12 năm 2018:

Năm	Số lỗ VND	Kỳ chuyển lỗ Năm	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2017	Số lỗ	Số lỗ chuyển	Số lỗ còn được
				được chuyển đến 31/12/2018	trong năm tính thuế này	chuyển sang năm sau
				VND	VND	VND
2014	(10.992.872.717)	2015 - 2019	(6.294.430.237)	(4.698.442.480)	-	(4.698.442.480)
2015	(11.701.603.465)	2016 - 2020	-	(11.701.603.465)	-	(11.701.603.465)
2018	(12.930.119.055)	2019 - 2023	-	(12.930.119.055)	-	(12.930.119.055)
	(35.624.595.237)		(6.294.430.237)	(29.330.165.000)	-	(29.330.165.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty là phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.777.981.604	185.940.897.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.403.375.893	791.298.066
Tổng cộng	332.181.357.497	186.732.195.644
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	16.662.876.550	15.038.366.514
Tổng cộng	16.662.876.550	15.038.366.514

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban điều hành đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

20. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại ngày cuối năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	330.777.981.604	330.777.981.604
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.403.375.893	1.403.375.893
	<u>332.181.357.497</u>	<u>332.181.357.497</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	16.662.876.550	16.662.876.550
	<u>16.662.876.550</u>	<u>16.662.876.550</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>315.518.480.947</u>	<u>315.518.480.947</u>
Tại ngày đầu năm		
Tiền và các khoản tương đương tiền	185.940.897.578	185.940.897.578
Phải thu khách hàng và phải thu khác	791.298.066	791.298.066
	<u>186.732.195.644</u>	<u>186.732.195.644</u>
Phải trả người bán và phải trả khác	15.038.366.514	15.038.366.514
	<u>15.038.366.514</u>	<u>15.038.366.514</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>171.693.829.130</u>	<u>171.693.829.130</u>

Đồng Nai, ngày 15 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐẦU TƯ KHAI THÁC CẢNG PHƯỚC AN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng Quản trị





Nguyễn Đức Nhơn

Đào Minh Tùng

Phạm Hoàng Sơn